TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ YÊN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25-5-2023.
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Anh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Công Ó.

2. Bà Lê Thị Bống.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Khánh Hòa - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- Đại Cện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La *tham gia phiên tòa:* Bà Lường Thị Tuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Sồng A M, sinh năm 1978

Địa chỉ: Bản ST, xã ST, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Mùa Thị D, sinh năm 1980

Địa chỉ: Bản ST, xã ST, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Hiện đang chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc số 02/QĐ-TA ngày 14/10/2022 tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 28 tháng 3 năm 2023, nguyên đơn anh Sồng A M trình bày như sau:

Anh Sồng A M và chị Mùa Thị D chung sống với nhau từ năm 1999 và kết hôn với nhau vào ngày 15 tháng 6 năm 2004 tại Uỷ ban nhân dân xã ST, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Khi kết hôn hai anh, chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không thuộc các trường hợp cấm kết hôn. Cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là chị Mùa Thị D nghiện ma tuý, bị Toà án nhân dân huyện Phù Yên Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc năm 2020 đến tháng 10 năm 2022 lại tiếp tục bị đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc. Hiện nay chị Mùa Thị D đang điều trị nghiện tại Cơ sở điều trị nghiện ma tuý tỉnh Sơn La. Anh Sồng A M và gia đình đã khuyên bảo chị Mùa Thị D nhiều lần nhưng chị D vẫn sử dụng ma tuý. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh Sồng A M làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị Mùa Thị D.

Về con chung: Anh Sồng A M khai vợ chồng anh có 06 con chung, con thứ nhất là cháu Sồng Thị L, sinh ngày 15 tháng 11 năm 2004; con thứ hai là cháu Sồng A B, sinh ngày 03 tháng 4 năm 2006; con thứ ba là cháu Sồng Thị C, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2008; con thứ tư là cháu Sồng Thị K, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2010; con thứ năm là Sồng Xuân G, sinh ngày 28 tháng 02 năm 2012; con thứ sáu là cháu Sồng Chỉ H, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2017.

Cháu Sồng Thị L đã thành niên, anh M không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh Sồng A M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Sồng A B, Sồng Thị C, Sồng Thị K, Sồng Xuân G, Sồng Chỉ H cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động và không yêu cầu chị Mùa Thị D phải có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, tài sản riêng*:* Chị và anh tự thỏa thuận phân chia, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh tự thỏa thuận phân chia thanh toán, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Sồng A M xin chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05 tháng 5 năm 2023, bị đơn chị Mùa Thị D trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn đúng như ý kiến của anh Sồng A M trình bày. Quá trình chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, chị Mùa Thị D thừa nhận đã 02 lần bị Toà án nhân dân huyện Phù Yên Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc và hiện đang điều trị nghiện ma tuý tại Cơ sở điều trị nghiện tỉnh Sơn La.

Chị Mùa Thị D nhận thấy tình cảm với anh Sồng A M vẫn còn, con chung đã lớn và lập gia đình, chị không nhất trí ly hôn với anh M.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Mùa Thị D xác định có 06 con chung như anh Sồng A M trình bày. Trường hợp ly hôn, chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Sồng Xuân G và Sồng Chỉ H cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động và không yêu cầu anh M phải có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Anh, chị tự thỏa thuận phân chia, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh, chị tự thỏa thuận phân chia thanh toán, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh với chính quyền địa phương lập ngày 28 tháng 4 năm 2023 được biết:

Về điều kiện kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như ý kiến của anh Sồng A M và chị Mùa Thị D trình bày. Quá trình chung sống đến năm 2020 thì hai anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Mùa Thị D sử dụng ma tuý, không quan tâm chăm lo đến gia đình, bị Toà án nhân dân huyện Phù Yên Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc 02 lần. Anh M và gia đình hai bên cũng đã khuyên giải chị D nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Nay anh Sồng A M có đơn đề nghị Tòa án giải quyết xin ly hôn giữa anh và chị Mùa Thị D, vậy đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: chính quyền địa phương công nhận vợ chồng anh, chị có 06 con chung như anh Sồng A M trình bày.

Về nợ chung: không có.

Ý kiến của đại Cện VKSND huyện Phù Yên như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, nghị án Thẩm phán và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn đã thực

hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Đối với bị đơn, sau khi thụ lý vụ án bị đơn đã được Toà án thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn biết về việc khởi kiện của nguyên đơn, do bị đơn đang điều trị nghiện nên không đến tham gia phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Việc Toà án áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án là đúng với quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

- Xử cho anh Sồng A M được ly hôn với chị Mùa Thị D.

- Về con chung: Giao các cháu Sồng A B, sinh ngày 03 tháng 4 năm 2006; Sồng Thị C, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2008; Sồng Thị K, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2010; Sồng Xuân G, sinh ngày 28 tháng 02 năm 2012; Sồng Chỉ H, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2017 cho anh Sồng A M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động.

Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Mùa Thị D do anh Sồng A M chưa yêu cầu.

Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

- Đối với cháu Sồng Thị L, sinh ngày 15 tháng 11 năm 2004, đã trưởng thành và xây dựng gia đình, nên không đề cập đến việc giải quyết.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Anh, chị tự thỏa thuận phân chia, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Sồng A M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Sồng A M có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc ly hôn với chị Mùa Thị D. Chị Mùa Thị D có địa chỉ cư trú tại bản ST, xã ST, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Yên.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 05 tháng 5 năm 2023, chị Mùa Thị D đã đề nghị xin được giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Mùa Thị D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Sồng A M và chị Mùa Thị D chung sống với nhau từ năm 1999 và kết hôn với nhau vào ngày 15/6/2004. Khi kết hôn hai anh, chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không thuộc các trường hợp cấm kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã ST, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Do đó quan hệ hôn nhân của anh Sồng A M và chị Mùa Thị D là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Mùa Thị D không chăm lo xây dựng gia đình, thường xuyên sử dụng ma tuý, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần, không thể chăm lo đến cuộc sống chung của gia đình. Mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được gia đình khuyên ngăn, hòa giải nhưng không có kết quả, không thể chăm lo đến cuộc sống chung của gia đình. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh Sồng A M và chị Mùa Thị D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh Sồng A M được ly hôn với chị Mùa Thị D.

[3] Về con chung: Anh Sồng A M và chị Mùa Thị D có 06 con chung là cháu Sồng Thị L, sinh ngày 15 tháng 11 năm 2004; cháu Sồng A B, sinh ngày 03 tháng 4 năm 2006; cháu Sồng Thị C, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2008; cháu Sồng Thị K, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2010; cháu Sồng Xuân G, sinh ngày 28 tháng 02 năm 2012; cháu Sồng Chỉ H, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2017. Anh M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Sồng A B, Sồng Thị C, Sồng Thị K, Sồng Xuân G, Sồng Chỉ H; chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu H và cháu G; đối với cháu Sồng Thị L đã thành niên, hai anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết. Xét thấy anh Sồng A M có nơi cư trú, có công việc và thu nhập; chị Mùa Thị D đang trong thời gian điều trị cai nghiện tại Cơ sở điều trị nghiện ma tuý tỉnh Sơn La nên thực tế không có điều kiện đảm bảo để trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục con chung sau khi ly hôn. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung cần giao các cháu Sồng A B, Sồng Thị C, Sồng Thị K, Sồng Xuân G, Sồng Chỉ H cho anh Sồng A M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Chị Mùa Thị D đang đi điều trị nghiện nên không có thu nhập, việc anh Sồng A M không yêu cầu chị Mùa Thị D phải cấp dưỡng nuôi

con chung là phù hợp. Vì vậy, cần tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Mùa Thị D.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Hai anh chị tự thỏa thuận phân chia, thanh toán không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Sồng A M phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Sồng A M; Xử cho anh Sồng A M được ly hôn với chị Mùa Thị D.

2. Về con chung: Giao các cháu Sồng A B, sinh ngày 03 tháng 4 năm 2006; Sồng Thị C, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2008; Sồng Thị K, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2010; Sồng Xuân G, sinh ngày 28 tháng 02 năm 2012; Sồng Chỉ H, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2017 cho anh Sồng A M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng: Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Mùa Thị D.

Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

- Đối với cháu Sồng Thị L, sinh ngày 15 tháng 11 năm 2004, đã trưởng thành và xây dựng gia đình, nên không đề cập đến việc giải quyết.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Anh, chị tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Sồng A M phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0002798 ngày 06 tháng 4 năm 2023.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (25/5/2023).

Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Phù Yên;
- Chi cục THADS huyện Phù Yên;
- UBND xã ST, huyện Phù Yên (để vào sổ hộ tịch) ;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Anh Đức